

B, ngày 26 tháng 12 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 255/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2017, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Đặng Việt Tr**, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, Thị trấn nông trường V, huyện B, tỉnh Q;

Bị đơn: Chị **Mai Thị T**, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, Thị trấn nông trường V, huyện B, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 18 tháng 12 năm 2017, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 255/2017/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 18 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Đặng Việt Tr** và chị **Mai Thị T**;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Anh Tr và chị T thỏa thuận thống nhất giao con **Đặng Bảo L**, sinh ngày 03/7/2001 cho anh Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con **Đặng Nhật P**, sinh ngày 11/11/2008 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Tr và chị T thỏa thuận thống nhất không ai phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Cấm anh Tr và chị T không được ngăn cản việc gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

* Về tài sản chung: Chị T và anh Tr thỏa thuận thống nhất tự giải quyết phần tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*Về án phí:Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, án phí vụ kiện ly hôn 150.000đ(Một trăm năm mươi ngàn đồng) anh Tr thỏa thuận nộp, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số 0002661 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q. Như vậy, anh Tr được nhận lại 150.000đ(Một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án N.D tỉnh Q;
- VKS huyệnB (2 bản);
- Anh Đặng Việt Tr;
- Chị Mai Thị T;
- Chi cục T.H.A DS B;
- UBND TT V(Đề biết);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân